

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NGỌC HIỂN  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 100/2018/HNGĐ-ST  
Ngày: 17-10-2018  
Về việc “Tranh chấp ly hôn,  
nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HIỂN, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Hồng Nghi.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Trần Thanh Liêm;

Ông Bùi Thanh Minh.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Huỳnh Văn Lợi, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

Ngày 17 tháng 10 năm 2018 tại Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 155/2018/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2018 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 109/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 26 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Trần Mộng T, sinh năm 1989 (có đơn đề nghị vắng mặt);

Nơi cư trú: Ấp R, xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau.

**- Bị đơn:** Anh Phan Minh T, sinh năm 1987 (có đơn đề nghị vắng mặt);

Nơi cư trú: Ấp R, xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Tại đơn khởi kiện và bản tự khai nguyên đơn chị Trần Mộng T trình bày:**

Về hôn nhân: Chị và anh Phan Minh T kết hôn vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng thời gian gần đây phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau. Ngoài ra, anh T còn có quan hệ với người phụ nữ khác. Chị xét thấy hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh Phan Minh T có 02 người con chung tên Phan Tú N, sinh ngày 10/9/2009 và Phan Chí T, sinh ngày 30/10/2011, các con chung hiện đang sống với chị. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Tại bản tự khai ngày 10 tháng 7 năm 2018 bị đơn anh Phan Minh T trình bày:*

Về hôn nhân: Anh và chị Trần Mộng T kết hôn vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau. Nay anh xét thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh và chị Trần Mộng T có 02 người con chung tên Phan Tú N, sinh ngày 10/9/2009 và Phan Chí T, sinh ngày 30/10/2011, các con chung hiện đang sống với chị T. Sau khi ly anh đồng ý giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về chia tài sản: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Chị Trần Mộng T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Phan Minh T nơi cư trú tại ấp R, xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Anh Phan Minh T, chị Trần Mộng T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Tán, chị T.

[2] Về hôn nhân: Chị Trần Mộng T và anh Phan Minh T chung sống với nhau vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau nên hôn nhân của chị T với anh T là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận. Chị T xác định trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau. Ngoài ra, anh T còn có quan hệ với người phụ nữ khác nên chị yêu cầu xin ly hôn. Anh Phan Minh T xác định cuộc sống hôn nhân giữa anh và chị T không còn hạnh nên đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T. Từ đó cho thấy tình cảm giữa chị T

và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được trái với nguyên tắc của Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T về việc xin ly hôn với anh T. Cho chị Trần Mộng T ly hôn với anh Phan Minh T (chị T và anh T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau theo giấy chứng nhận kết hôn số 269/2008 ngày 11/12/2008).

[3] Về con chung: Chị Trần Mộng T và anh Phan Minh T có 02 người con chung tên Phan Tú N, sinh ngày 10/9/2009 và Phan Chí T, sinh ngày 30/10/2011. Chị T và anh T thỏa thuận giao 02 người con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Người con chung tên Phan Tú N có nguyện vọng ở với chị T, người con chung tên Phan Chí T tại thời điểm xét xử sơ thẩm chưa đủ 07 tuổi nên Tòa án không thể ghi ý kiến để xem cháu có nguyện vọng ở với chị T hay anh T. Tuy nhiên, hiện nay những người con chung tên Phan Chí T đang sống với chị T đã ổn định về mặt tâm sinh lý nên giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của các con chung. Anh T không trực nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom những người con chung không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị Trần Mộng T không yêu cầu nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

[6] Về nợ chung: Không có yêu cầu nên Tòa không xem xét.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trần Mộng T phải chịu 300.000 đồng. Ngày 09/7/2018 chị T đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005301 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau được chuyển thu.

[8] Về quyền kháng cáo: Chị Trần Mộng T, anh Phan Minh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt chị Trần Mộng T và anh Phan Minh T

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Áp dụng Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Mộng T về việc xin ly hôn với anh Phan Minh T.

Cho chị Trần Mộng T được ly hôn với anh Phan Minh T (chị T và anh T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau theo giấy chứng nhận kết hôn số 269/2008 ngày 11/12/2008).

- Về con chung: Giao người 02 người con chung tên Phan Tú N, sinh ngày 10/9/2009 và Phan Chí T, sinh ngày 30/10/2011 cho chị Trần Mộng T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Phan Minh T không trực nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom những người con chung không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này.

- Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trần Mộng T phải chịu 300.000 đồng. Ngày 09/7/2018 chị T đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005301 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau được chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án sơ thẩm chị Trần Mộng T, anh Phan Minh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Ngọc Hiển;
- Chi cục Thi hành án DS huyện Ngọc Hiển;
- UBND xã Đất Mũi, huyện Ngọc Hiển;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Hồng Nghi**